BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ

Học kỳ 1 - Năm học : 2013-2014

Môn học : Giáo dục thể chất (Học phần 1) - 1106007

Mã lớp học phần: 110600702 **Số tín chỉ: 1**

Giảng viên giảng dạy: Pham Quang Duy

Ngày thi: _____ **Giờ thi:** _____ **Phòng thi:** _____

Giám thị 1: Pham Quang Duy Ký tên:

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	1310040023	Dương Anh	Duy	22/02/1995		8	Tám	C15CK	
2	1310040012	Trần Thái	Duy	28/08/1995		8	Tám	C15CK	
3	1310040021	Nguyễn Quốc	Dũng	02/02/1995				C15CK	
4	1310040006	Châu Bình	Dương	07/01/1995		8	Tám	C15CK	
5	1310040015	Nguyễn Tấn	Đạt	19/05/1995		7	Bảy	C15CK	
6	1310040008	Nguyễn Văn	Đạt	03/05/1995		6	Sáu	C15CK	
7	1310040010	Hoàng Hữu	Đức	08/04/1994		9	Chín	C15CK	
8	1310040020	Trần Trung	Hiếu	21/08/1995		7	Bảy	C15CK	
9	1310040004	Nguyễn Hoàng	Khang	05/8/1995		7	Bảy	C15CK	
10	1310040001	Nguyễn Huỳnh Lê	Khoa	03/02/1995		8	Tám	C15CK	
11	1310040009	Lê Văn	Lai	15/12/1995		7	Bảy	C15CK	
12	1310040022	Trương Thanh	Nhã	11/07/1995		8	Tám	C15CK	
13	1310040005	Trương Minh	Nhật	03/10/1993		8	Tám	C15CK	
14	1310040003	Huỳnh Văn	Quân	20/08/1994		7	Bảy	C15CK	
15	1310040029	Đặng	Quy	20/06/1994		5	Năm	C15CK	
16	1310040025	Nguyễn Tấn	Tài	16/06/1995		7	Bảy	C15CK	
17	1310040026	Trần Hữu	Tài	08/04/1995		6	Sáu	C15CK	
18	1310040013	Nguyễn Thanh	Tâm	03/07/1995		8	Tám	C15CK	
19	1310040024	Lê Minh	Tân	26/01/1995		8	Tám	C15CK	
20	1310040014	Trang Sĩ	Tân	01/08/1995				C15CK	
21	1310040028	Phạm Long	Thịnh	17/03/1995				C15CK	
22	1310040007	Nguyễn Thành	Tin	02/06/1994		7	Bảy	C15CK	
23	1310040018	Võ Thống	Trị	24/07/1995		9	Chín	C15CK	
24	1310040002	Trần Minh	Yên	03/08/1994		7	Bảy	C15CK	

Lưu ý: Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ

Học kỳ 1 - Năm học : 2013-2014

Môn học : Giáo dục thể chất (Học phần 1) - 1106007 Giám thị 1: Phạm Quang Duy Ký tên:

Mã lớp học phần: 110600702 **Số tín chỉ: 1** Giám thị 2: Ký tên:

Giảng viên giảng dạy: Phạm Quang Duy Giám thị 3: Ký tên:

Ngày thi: **Giờ thi:** **Phòng thi:** Giám thị 4: Ký tên:

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	1310040023	Dương Anh	Duy	22/02/1995			8	Tám	C15CK	
2	1310040012	Trần Thái	Duy	28/08/1995			9	Chín	C15CK	
3	1310040021	Nguyễn Quốc	Dũng	02/02/1995					C15CK	
4	1310040006	Châu Bình	Dương	07/01/1995			10	Mười	C15CK	
5	1310040015	Nguyễn Tấn	Đạt	19/05/1995			9	Chín	C15CK	
6	1310040008	Nguyễn Văn	Đạt	03/05/1995			8	Tám	C15CK	
7	1310040010	Hoàng Hữu	Đức	08/04/1994			10	Mười	C15CK	
8	1310040020	Trần Trung	Hiếu	21/08/1995			8	Tám	C15CK	
9	1310040004	Nguyễn Hoàng	Khang	05/8/1995			7	Bảy	C15CK	
10	1310040001	Nguyễn Huỳnh Lê	Khoa	03/02/1995			9	Chín	C15CK	
11	1310040009	Lê Văn	Lai	15/12/1995			8	Tám	C15CK	
12	1310040022	Trương Thanh	Nhã	11/07/1995			6	Sáu	C15CK	
13	1310040005	Trương Minh	Nhật	03/10/1993			9	Chín	C15CK	
14	1310040003	Huỳnh Văn	Quân	20/08/1994			8	Tám	C15CK	
15	1310040029	Đặng	Quy	20/06/1994			5	Năm	C15CK	
16	1310040025	Nguyễn Tấn	Tài	16/06/1995			9	Chín	C15CK	
17	1310040026	Trần Hữu	Tài	08/04/1995			6	Sáu	C15CK	
18	1310040013	Nguyễn Thanh	Tâm	03/07/1995			9	Chín	C15CK	
19	1310040024	Lê Minh	Tân	26/01/1995			7	Bảy	C15CK	
20	1310040014	Trang Si	Tân	01/08/1995					C15CK	
21	1310040028	Phạm Long	Thịnh	17/03/1995					C15CK	
22	1310040007	Nguyễn Thành	Tin	02/06/1994			8	Tám	C15CK	
23	1310040018	Võ Thống	Trị	24/07/1995			7	Bảy	C15CK	
24	1310040002	Trần Minh	Yên	03/08/1994			8	Tám	C15CK	

Lưu ý: *sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*